

Số: 0331.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 04 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2179.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Trần Văn Tính
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang (TCN Tân Trung) - Tại Trạm cấp nước Tân Trung. Địa chỉ: Khu phố Sơn Qui B, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 24/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 214-CNTG
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 24/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/12/2025 - 31/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,0°C và 34,9°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 34,8°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,50	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	320	≤ 1000
7	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
8	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
9	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
10	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	74,0	≤ 300
11	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	25,9	≤ 300
12	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05

13	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,30	≤ 2
14	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	19,3	≤ 250
15	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
16	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,19	≤ 1,5
17	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	8,58	≤ 200
18	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
19	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
20	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0331.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2180.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Trần Văn Tính
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang (TCN Tân Trung) - Tại hộ: Nguyễn Văn Hoàng. Địa chỉ: Khu phố Sơn Qui B, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 24/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 215-CNTG
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 24/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/12/2025 - 31/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,0°C và 34,9°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 34,8°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cổ định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,47	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	380	≤ 1000
7	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
8	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
9	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
10	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	71,0	≤ 300
11	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	24,5	≤ 300
12	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05

13	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,29	≤ 2
14	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	20,9	≤ 250
15	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
16	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,18	≤ 1,5
17	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	8,71	≤ 200
18	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
19	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
20	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0331.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2181.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Trần Văn Tính
Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang (TCN Tân Trung) - Tại hộ: Trần Văn Quang. Địa chỉ: Khu phố Sơn Qui A, phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 24/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 216-CNTG
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 24/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 24/12/2025 - 31/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,0°C và 34,9°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 34,8°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	7,42	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	335	≤ 1000
7	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
8	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
9	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,80	≤ 2
10	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	80,0	≤ 300
11	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	24,8	≤ 300
12	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,001 mgN/L	≤ 0,05

13	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO3 B (2023) (*)	0,30	≤ 2
14	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	16,7	≤ 250
15	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
16	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,17	≤ 1,5
17	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	8,41	≤ 200
18	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
19	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
20	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THẨM ĐỒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Quỳnh Diệu